

Các vua nhà Lý và gia đình

Nhà Lý kế tiếp nhà Tiền Lê là một triều đại trị vì suốt 216 năm. Nhà Lý đã làm cho Việt Nam thành một quốc gia độc lập, hùng mạnh, và là vương triều duy nhất trong lịch sử ta đã đánh nhà Tống sang tận Khâm châu và Ung Châu và đánh Chiêm Thành mở mang bờ cõi về phương nam tới Quảng Bình, Quảng trị.

Những việc đáng ghi nhớ của nhà Lý lập nên như: dời đô về Thăng Long, dựng chùa một cột, mở khoa thi tam trường, còn gọi là Minh kinh bác học, tổ chức quân đội hùng mạnh, xây dựng chùa chiền, trọng dụng nhân tài, tổ chức hành chính và ngoại giao, đắp đê Cơ Xá..., các triều đại sau phỏng theo. Dân tộc Việt đánh ngoại xâm Trung quốc để giữ gìn bờ cõi, nhà Lý là triều đại đã đánh nhà Tống bên đất Trung Hoa.

Lý Thái Tổ

Nhà Lý do Lý Công Uẩn người làng Cổ Pháp lập nên. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết [1]: Họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp Bắc Giang, mẹ họ Phạm, đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với người thần giao hợp rồi có chửa, sinh vua ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình năm thứ 5 (974) thời Đinh. Lớn lên làm quan nhà Lê, thăng đến chức Điện Tiền Chi Huy Sứ. Khi Ngọa Triều băng, tự lập làm vua, đóng đô ở thành Thăng Long.

Sử triều Nguyễn trong sách *Việt sử thông giám cương mục* cũng chỉ biết tin theo dân gian rằng bà Phạm Thị “đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân giao cấu, do đấy có thai, sinh ngài năm Giáp Tuất... Khi ngài lên ba tuổi, sư chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhân đấy lấy theo họ Lý”. Dù đã khảo cứu rất kỹ lưỡng, các nhà chép sử đời Nguyễn cũng chỉ biết được “Lý Thái Tổ làm con nuôi sư Lý Khánh Văn, còn bố đẻ không biết là ai” và vua Tự Đức cũng không ngần ngại mà phê vào sách là “gốc tích họ Lý lờ mờ không khảo được”.

Nhiều huyền thoại đã được đặt ra về gốc tích của Lý Thái Tổ.[2]

Ngô Thì Sĩ viết "Sách sử chép Phạm Thái Hậu đi chơi núi Tiên Sơn, cùng với thần giao hợp mà sinh ra Vua. Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhận là họ Lý. Bài ký ở chùa Tiên Sơn có nói: "Thái Hậu cảm tinh anh của Bạch Hâu mà sinh ra Vua, nhà sư Vạn Hạnh rước về nuôi.

Sử cũ cũng không chép rõ đâu là quê quán của cha mẹ và gia đình của Lý Thái Tổ. Vấn đề này là đề tài các nhà nghiên cứu lịch sử và các nhà khảo cổ hiện nay. Theo báo Tiền phong 12/07/2011 nhà nghiên cứu Nguyễn Hùng Vĩ, có nhắc đến một phát hiện mới liên quan đến gốc tích của vua Lý Công Uẩn được ghi trên một tấm bia có tên "*Tùng san Hoa Lâm Tam bảo thị bi tịch minh*". Theo bia này thì

1. Hoa Lâm là vùng quê nổi tiếng (danh hương) của ông nội, bà nội Lý Công Uẩn.

2. Thụy hiệu của ông nội bà nội Lý Công Uẩn là Thánh Thiện.

3. Lăng miếu của Cha và Mẹ Lý Công Uẩn ở đây, nằm ở mé đông của chợ Hoa Lâm và cũng là phía đông của chùa Trinh tiết, bắc là Tam Đảo-Sóc Sơn, nam là sông Đuống.

Theo tấm bia *Lý gia linh thạch* hiện còn ở chùa Tiêu. xã Hoa Lâm huyện Đông Ngàn là quê Phạm Mẫu, mẹ Lý Công Uẩn.

Việt sử lược chép sau khi lên ngôi, mùa đông tháng 11, vua Lý Công Uẩn truy tôn cha là Hiến Khánh Vương, mẹ là Minh Đức Thái hậu, phong cho chú làm Vũ Đạo Vương, anh ruột là Lý Mỗ làm Vũ Uy Vương, em làm Dực Thánh Vương. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, con của Dực Thánh vương là Lý Phó cũng được phong Tổng quản.

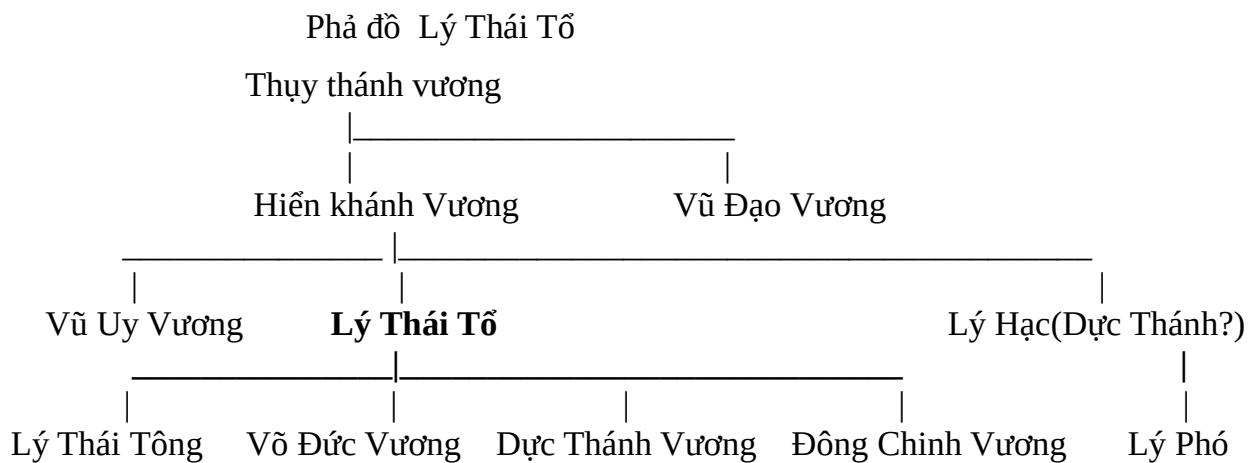
Tuy nhiên, theo *Việt sử thông giám cương mục*, dẫn lại *Nam Thiên Trung nghĩa lục* (của Phạm Phi Kiến) thì Dực Thánh vương là con trai thứ năm của Lý Thái Tổ. Các nhà nghiên cứu khi xem xét những ghi chép trong *Toàn Thư* lẫn *Việt sử lược* đều cho rằng *Cương mục* đã chép sai.

Trường Biên, quyển 94. Năm Thiên Hy thứ 3(1019) chép : "Ngày mồng một Ất Dậu tháng 8 (2/9/1019), Lý Công Uẩn đất Giao Châu sai em là Hạc đến cống sản vật địa phương." [4]

Như sử chép thì cha mẹ của Lý Công Uẩn lúc này đã mất, nên mới có việc truy tôn, song còn chú, anh em ruột vẫn còn, được Lý Công Uẩn phong vương. Như vậy, chí ít là khi lên ngôi, Lý Công Uẩn vẫn còn anh em họ hàng.

Đến năm 1018, Lý Công Uẩn tiếp tục truy phong bà nội làm Hậu và đặt tên thụy, năm 1026 xuống chiếu làm *Ngọc điệp*...

Sử thần Ngô Sĩ Liên ghi nhận sự kiện này, nhưng lại chê: "Vua đến đây mới truy phong cho bà nội, đó là lỗi chậm trễ". Các nhà sử học đời sau do chịu ảnh hưởng quá nhiều vào truyền thuyết dân gian, từ chỗ không tin có một dòng họ nội đích thực của Lý Công Uẩn, đến đây muốn quy tất cả việc Lý Công Uẩn truy phong cho bà nội, bố mẹ đẻ, phong cho chú bác, anh em ruột đều thuộc về họ ngoại? (*Việt sử thông giám cương mục*).



Đại Việt sử ký tiền biên chép, Lý Thái Tổ mới lên ngôi (1010) lập sáu hoàng hậu, mà Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu, có quy chế xe kiệu riêng. Năm 1016 lập 3 hoàng hậu: Tá Quốc hoàng hậu, Lập Nguyên hoàng hậu, Lập Giáo hoàng hậu, tên Lập Giáo hoàng hậu lại kể ở sau cùng. *Cương mục* ghi: *Điều này chắc Sử có lầm, tạm chép lại đó chờ tra cứu thêm.*

Nhà vua có 9 hoàng hậu và 8 người con trai. Con cháu vua Lý Thái Tổ cũng noi gương mà lập nhiều hoàng hậu.

Những hoàng hậu này sống trong cung riêng tại hậu cung, được đối xử như nhau và thường thì hoàng hậu cả (tức vợ cả) có địa vị cao hơn những người khác. Các hoàng hậu đều là con nhà quý tộc hay quan lại nhiều danh vọng.

Hoàng hậu đầu tiên là công chúa Lê Thị Phất Ngân, con gái vua Lê Đại Hành và Thái hậu Dương Vân Nga, có anh em là các vua Đinh Phế Đế, Lê Long Việt và Lê Long

Đĩnh, bà được được Lý Thái Tổ phong làm Trinh Minh Hoàng hậu, các vua nhà Lý phong bà là Bảo Quang Hoàng thái hậu. Bà là mẹ của vua Lý Thái Tông và các hoàng tử Lý Long Bồ và Lý Nhật Quang. Đại Việt sử ký toàn thư, Kỷ nhà Lý, mục Lý Thái Tông đoạn mở đầu viết: *Mẹ là hoàng hậu họ Lê, sinh vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý, niên hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 (1000) thời Lê, ở phủ Trường Yên.*

Cương mục chép Bấy giờ, các con đều phong tước hầu, 13 người con gái đều phong công chúa. Vua đem người con gái lớn là An Quốc công chúa gả cho Đào Cam Mộc và phong Cam Mộc là Nghĩa Tín Hầu

Năm 1012, hoàng tử Lý Phật Mã 13 tuổi là con của Linh Hiến Hoàng hậu Lê thị, được lập làm Đông cung Thái tử, lại được phong hiệu là Khai Thiên vương. Những hoàng tử nhỏ hơn lần lượt được phong vương theo thứ tự tuổi tác: Đông Chinh vương, Vũ Đức vương, Khai Quốc vương, Uy Minh vương và Dực Thánh vương...

Lý Thái Tổ đã lập ra một vương triều phụ hệ trung ương tập quyền, ngôi vua theo thể lệ cha truyền con nối và cho họ hàng thân thích giữ những vai trò trọng yếu. Vua phong chức cho hoàng tộc như Trương Hiến (con của Vũ Uy vương) làm thái úy, Phúc (con của Dực Thánh vương) làm tổng quản. Lý Thái Tổ làm vua được 19 năm và mất năm 1028, thọ 55 tuổi.

Thời nhà Lý, các hoàng tử đều được nhà vua phong tước vương và đều có bốn phận đi đánh dẹp các cuộc nội loạn, nên ai cũng giỏi việc quân sự, như Đông Chinh Vương, Dực Thánh vương cả Thái tử đã đem quân đi dẹp loạn.

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Lê Văn Hưu nói: Nhà Lý phong cho các con mẹ đích đều làm vương, các con mẹ thứ đều làm hoàng tử mà không đặt ngôi hoàng thái tử.

Đến khi nào vua ốm nặng mới chọn một người trong các con cho vào để nối nghiệp lớn. Các con trai của những hoàng hậu đều được lập làm vương, nên ai cũng nuôi mộng ngôi cao. Bởi vậy khi có một người lên ngôi, các vương khác đem lòng ghen tức mà gây loạn. Truyền dần thành tục, không biết là ý thế nào. Có người nói: "Nhà Lý không đặt thái tử trước là vì muốn cho các con chăm làm điều thiện. Nếu lập ngôi thái tử thì phận vua tôi đã định dù có con hiền như Vi Tử cũng không biết xử trí thế nào?"

Các con gái vua được sắc phong là công chúa, sử cũ chép về nhà Lý chỉ chú trọng về các vua, cho nên tên hụy các công chúa không biên rõ cũng như tên hụy các hoàng hậu và mẹ vua. Thông thường chỉ có chức danh được kể ra mà thôi.

Các công chúa thì được phân công trông coi việc trưng thu các thứ thuế. Cho các vương hầu công chúa được quản các thuế theo thứ bậc khác nhau. Phần nhiều các công chúa được coi là công cụ trong chính sách bảo vệ và định an biên giới. Chủ trương dùng quan hệ hôn nhân để kết thân với các tù trưởng miền núi là một chính sách duy nhất được thực hiện dưới thời Lý, và thực tế đã cho thấy những hiệu quả to lớn.

Thời bấy giờ không đặt tiết trấn; các việc quân sự và dân sự ở các châu đều do châu mục coi quản. Các châu miền thượng du lại giao cho bọn tù trưởng địa phương quản lĩnh. Nhà vua sợ khó khống chế được họ, nên mới kết một giao hảo bằng cuộc hôn nhân để ràng buộc họ.

Sự kiện đầu tiên được nhắc đến trong chính sử vào năm 1029, vua Lý Thánh Tông gả công chúa Bình Dương cho châu mục Lạng châu (Lạng Sơn) là Thân Thiệu Thái. Trong khi đó, tấm bia *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* (Chiêm Hóa, Tuyên Quang) lại cho biết, ngay từ thời Lý Thái Tổ (1009-1028), châu mục Vị Long họ Hà đã làm con rể vua. Dẫn theo *Tống sử*, tác

giả Hoàng Xuân Hãn cũng khẳng định: Giáp Thừa Quý, châu mục Lạng châu sau khi lấy con gái Lý Công Uẩn đã được đổi sang họ Thân, con cháu về sau nhiều đời làm châu mục và phò mã. Năm 1027, Thân Thừa Quý hướng dẫn người em trai của Lý Thái Tổ để đánh vào Quảng Tây thuộc Trung quốc.

Tổng cộng theo chính sử trong suốt thời Lý, có tất cả 12 lần nhà vua gả công chúa cho các tù trưởng ở miền núi phía Bắc, tuy rằng các sử thần đều coi đó là lệ thường, nên nhiều khi bỏ qua không chép Ngược lại, cũng không ít lần vua Lý lấy con gái các tù trưởng miền núi làm vợ, ví như trường hợp vua Thái Tông lấy con gái Đào Đại Di ở châu Chân Đăng (Phú Thọ, Vĩnh Phúc)...

Lý Thái Tông (1028 - 1054)

Vua Thái Tổ vừa băng, Thái tử Lý Phật Mã nối ngôi nhưng 3 người em là Đông Chinh vương, Dực Thánh vương và Vũ Đức vương đem quân về định cướp ngôi. Vũ Đức vương bị Phụng Hiếu bắt giết. Hai vương Đông Chinh và Dực Thánh chạy thoát được.

Thái tử Phật Mã lên ngôi năm Mậu Thìn (1028), tức là Lý Thái Tông, đổi niên hiệu là Thiên Thành. Hai vương chạy thoát sau đó được tha tội. Cũng vì biến loạn này, để ngăn ngừa về sau, Lý Thái Tông định lệ hằng năm bá quan văn võ phải đến đền Đồng Cổ (Yên Thái, Hà Nội) thực hiện nghi lễ tuyên thệ: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung. Ai bất hiếu, bất trung, xin quý thần làm tội". Người nào không đến thi hành nghi lễ tuyên thệ này sẽ bị phạt đánh 50 trượng, chủ trương pháp trị.

Lý Thái Tông lập 7 hoàng hậu khi lên ngôi có Linh Cảm hoàng hậu Mai thị, Vương hoàng hậu, Đinh hoàng hậu. Cho những thân phụ các Hoàng hậu là bọn Mai Hựu, Vương Đổ, Đinh Ngô Thượng làm Thượng tướng. Năm Ất Hợi (1035), lập tiếp Thiên Cảm hoàng hậu là 8, cung nữ, hoàng hậu và phi tần 13 người, ngự nữ 18 người.

Thái Tông có hai người con trai trước đó đều yếu mệnh, Nhật Tôn là con trai thứ con của Linh Cảm Hoàng hậu, tức Khai Hoàng Vương được lập làm hoàng thái tử. Năm 1035, hoàng tử Nhật Trung được phong làm Phụng Càn Vương. Các hoàng tử khác đều phong tước hầu. Con thứ 8 là Lý Hoảng hiệu là Nhật Quang; tức Uy Minh hầu, đảm nhiệm việc thuế vụ ở Nghệ An, Đại Việt sử lược chép là Minh Uy hầu, sau được Lý Thái Tông phong làm Uy Minh vương.

Vua đi đánh Ái Châu cho Phụng Càn vương làm lưu thủ kinh sư. Năm 1037 vua thân đi đánh đạo Lâm Tây, cho Khai Hoàng vương làm Đại nguyên soái, cho Phụng Càn vương làm kinh sư lưu thủ.

Vua phái sứ Huệ Sinh làm Đô tăng lục. Bấy giờ các vương công như: Phụng Yết Thiên Vương, Thái tử Vũ Uy, Hỷ Từ, Thiện Huệ, Chiêu Khánh và Hiến Minh đều tới lui hỏi đạo [3].

Con gái vua Lý Thái Tông và hoàng hậu Thiên Cảm là công chúa Lý Kiều Oanh được ban sắc phong cho làm công chúa hiệu là Tân Bình, gả cho quận công Hồ Đức Cường. Công chúa Tân Bình được sắc lập phủ đệ riêng ở trại Bồ Chánh (sau này là phủ Tân Bình) ở cùng với chồng để trấn phủ.

Năm 1029 gả công chúa Bình Dương cho châu mục Lạng Châu là Thân Thiệu Thái.

Năm 1036 gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Thượng Oai là Hà Thiện Lãm, gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu là Lê Tông Thuận.

Từ đó việc gả công chúa cho châu mục trở thành lệ thường của nhà Lý.

Vua Lý Thái Tông làm vua được 27 năm thì mất.

Lý Thánh Tông (1054–1072)

Thái tử Nhật Tôn lên ngôi tức là Lý Thánh Tông, đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1, phong mẹ họ Mai làm Kim Thiên Hoàng Thái Hậu. Đặt quốc hiệu là Đại Việt.

Vua lập 8 hoàng hậu, trong đó có Thượng Dương Hoàng hậu và nguyên phi Ý Lan.

Hoàng hậu Thượng Dương sinh hạ được hai công chúa Từ Thục, Từ Huy và một phi tần sinh ra Công chúa Thiên Thành, còn những người khác đều không sinh được con nào. Hai công chúa Từ Thục, Từ Huy xuất gia tu hành, Lý Thánh Tông cho xây dựng tại làng Đông Phù (nay thuộc xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội) ngôi chùa Hưng Long tự (còn gọi là chùa Nhót) cho hai con gái. Vua còn ra lệnh dựng lại chùa Đông Phù, bởi thế chùa còn có tên là Chùa Đền, hiện trong chùa có lưu giữ một số dấu tích bị đốt cháy.

Năm 1062 vua Lý Thánh Tông đã 40 tuổi mà không có con trai kế tự nên thường đi các nơi để cầu tự. Qua làng Thổ Lỗi, tình cờ vua gặp cô gái hái dâu, vua đưa về cung và phong làm Ý Lan phu nhân. Theo chính sử, Ý Lan tên thật là Lê Thị Yến (1044 - 1117), cũng có sách ghi bà là Lê Thị Yến Loan hay Lê Thị Khiết. Bà xuất thân trong một gia đình nghèo thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Giai thoại Tấm Cám trong truyện cổ Việt Nam tả về lúc thiếu thời của bà.

Năm 1066 tháng giêng, bà sinh hoàng tử Càn Đức. Nhà vua vốn hiếm muộn con trai nên rất vui mừng; chỉ một ngày sau khi hoàng tử sinh ra, Thánh Tông lập Càn Đức làm Hoàng Thái tử, đổi niên hiệu thành Long Chương Thiên Tự, đại xá thiên hạ và phong Ý Lan làm Thần phi. Sau bà sinh ra Minh Nhân vương mùa xuân, tháng 2, năm 1068 và Nghĩa Nam vương Lý Hùng Tích.

Ý Lan được phong làm Nguyên phi, đứng đầu các phi tần trong cung. Thần phi là quý phi của vua. Theo chế độ quân chủ thời Lý, vợ cả nhà vua gọi là hoàng hậu, dưới hoàng hậu có ba người vợ nữa gọi là phi hoặc phu nhân. Nguyên phi là một người phi đứng đầu các hàng phu nhân. Ý Lan làm giám quốc, khi Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh nước Chiêm Thành năm 1069, mở rộng lãnh thổ Đại Việt về phía nam.

Sách Đại Việt sử lược có ghi văn tắt trong trận đánh quân Tống: "*Hai vị quan hầu tước là Chiêu Văn và Hoǎng Chân đều bị chết chìm ở sông Như Nguyệt*". Hai vị này là con trai thứ của vua Lý Thánh Tông. Sử sách không đề cập tới Hoǎng Chân được thờ phụng ở đền Voi Phục với tên Linh Lang. Theo thần phả, Linh Lang sinh ngày 13 tháng 12 năm Giáp Thìn (1064), mẹ là cung phi thứ 9, quê ở Đan Phượng, Sơn Tây.

Phần lớn tài liệu chính sử Đại Việt không ghi chép gì về Chiêu Văn. Năm sinh cũng như thân thế của ông không rõ.

Các công chúa là Động Thiên, Thiên Thành và con nuôi là Ngọc Kiều. Lý Thánh Tông thân ngự ở điện Thiên Khánh để xử kiện, cho công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh, như vậy thì các công chúa có thể tham dự công việc triều đình.

Công chúa Ngọc Kiều được nhà vua gả cho Châu mục Chân Đăng họ Lê khoảng năm 1058. Đại Việt sử ký toàn thư chép: *Quý Ty, (Hội Tường Đại Khánh) năm thứ 4 (1113)... Mùa hạ phu nhân của châu mục Châu Đăng là công chúa họ Lý mất. Phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn vương (Nhật Trung, em vua Thánh Tông), được (vua) Thánh Tông nuôi ở trong cung, lớn lên phong làm công chúa, gả cho châu mục Châu Chân Đăng là người họ Lê, chồng chết, phu nhân tự thê ở góa, đi tu làm sư nữ, đến*

đây mất, thọ 72 tuổi. Bà xuất gia hiệu Diệu Nhân là người đứng đầu thế hệ thứ 17 của thiền phái Ti ni đa lưu chi.

Năm 1070 Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu. Binh pháp thời Lý Thánh Tông có tiếng là giỏi. Nhà Tống đã phải dụng tâm học cách tổ chức, phiên chế quân đội của ta.

Năm Nhâm Tí (1072) vua Lý Thánh Tông chết đột ngột, trị vì được 17 năm, thọ 50 tuổi.

Lý Nhân tông (1072–1128)

Thái tử Càn Đức lên ngôi lúc 7 tuổi tức Lý Nhân Tông. Quan thái sư là Lý Đạo Thành làm phụ chính. Vua tôn mẹ đẻ là Ý Lan nguyên phi làm Hoàng thái phi, tôn hoàng hậu cả là Thượng Dương thái hậu làm Hoàng thái hậu, buông rèm cùng nghe việc triều chính.

Khi vua băng thì chỉ một hoàng hậu được vua kế vị phong làm hoàng thái hậu. Hoàng hậu ấy chính là mẹ của vua mới. Trong trường hợp vua là con của một phi tần thấp hơn hoàng hậu thì vị hoàng hậu cả sẽ được tôn phong, và trong trường hợp này, ngôi vị hoàng thái hậu sẽ được dành cho cả hai người (mẹ đẻ của vua và hoàng hậu cả).

Từ đó về sau, các vua lên ngôi còn nhỏ tuổi thì có đại thần được ủy nhiệm việc triều chính và bà thái hậu buông rèm nghe việc triều chính. Dần dần các anh em của thái hậu nắm giữ quyền lực gây thành cái họa ngoại thích chuyên quyền.

Ý Lan được phong làm Thái phi. Có tài liệu ghi rằng lúc bấy giờ Thái hậu họ Dương buông rèm lo việc triều chính. Ý Lan lên làm Hoàng Thái Hậu (tức Linh Nhân Thái Hậu) giúp vua trị nước. Trước họa nhà Tống xâm lăng Đại Việt, bà đã nghe theo lời Lý Thường Kiệt gọi Lý Đạo Thành trở lại giữ chức Thái phó Bình Chương quân quốc trọng sự để lo việc triều chính, Lý Thường Kiệt đã đem quân đánh sang tận Ung Châu, Liêm Châu, năm sau chặn đứng quân Tống ở sông Như Nguyệt.

Thái hậu chú ý mở mang đạo Phật. Tương truyền bà đã cho xây dựng đến 100 ngôi chùa để mong chuộc lại lỗi đã bức tử Dương Thái Hậu cùng các cung nữ trước kia. Sau khi Dương thái hậu qua đời, bà trở thành Hoàng Thái Hậu nhiếp chính. Ngày nay Ý Lan được tôn thờ ở "Cụm di tích Đền Ghênh thường gọi là Đền Ý Lan, ở Văn Lâm, Hưng Yên và [chùa Bà Tấm](#) (huyện Gia Lâm), và đình Yên Thái ở ngõ Tạm Thương, phường hàng Gai quận Hoàn Kiếm.

Tháng giêng năm 1115, Vua Nhân Tông lập ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên, Chấn Bảo và 36 cung nhân, sau thêm 2 hoàng hậu Thánh cực và Chiêu Thánh. Việt sử lược chép: Vua đã cao tuổi, chưa có con thừa tự, nên lập nhiều bà Hậu. Vua làm đàn chay để cầu tự. Thái hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm chùa.

Vua không có con trai nên tìm con họ tông thất để nuôi ở trong cung. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Bản kỉ viết: *Năm Đinh Dậu, Hội Tường Đại Khánh năm thứ 8 (1117) vua xuống chiếu rằng: "Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có con nối, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai? Vậy nên trẫm nuôi con trai của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào giỏi thì lập làm thái tử. Bấy giờ con Sùng Hiền hầu là Dương Hoán mới lên 2 tuổi mà thông minh lanh lợi, vua rất yêu và bèn lập làm hoàng thái tử, còn 4 cháu con của 4 người em khác được phong làm hoàng tử, trong đó có Lý Dương Côn con của Thành Quảng hầu em ruột vua Lý Nhân Tông.*

Có sự việc chưa rõ là theo chính sử, cho đến năm 1112, Sùng Hiền hầu vẫn chưa có con trai, phải đi cầu tự và nhờ phép lạ của sư Từ Đạo Hạnh mới sinh được Dương Hoán coi như hóa thân của Từ Đạo Hạnh.

Vua Nhân Tông gả em gái là công chúa Khâm Thánh cho Hà Di Khánh ở Vị Long Châu Tuyên Quang, khống chế đường bộ sang Vân Nam.

Việt sử lược chép năm 1180, Hà công Phụ đã cưới công chúa Hoa Dương.

Năm 1128, Lý Nhân Tông qua đời, hưởng thọ 63 tuổi. Vua Nhân Tông là vị vua trị vì lâu nhất của nhà Lý.

Lý Thần Tông (1128-1138)

Thái tử Lý Dương Hoán lên nối ngôi năm Mậu Thân (1128), tức là Lý Thần Tông, khi mới 12 tuổi, nước ta bị Chân Lạp đem quân quấy phá. Đại Việt Sử ký Toàn thư chép: Thần Tông là "*cháu gọi Thánh Tông bằng ông, cháu gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền hầu*". An Nam chí lược chép: "Dương Hoán con của Nhân vương, lập lên làm vua". Theo như Lê Tắc thì Thần Tông là con đẻ của Nhân Tông. Nếu không có lời bàn của sử gia Lê Văn Hưu được chép lại trong Toàn thư thì An Nam chí lược là tài liệu gần nhất với sự kiện. Theo Tống sử quyển 488 thì Càn Đức tức Lý Nhân Tông chết năm Thiệu Hưng thứ II (1132), con là Dương Hoán tức Thần Tông nối ngôi, nhà Tống cho làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ đặc tiến kiêm hiệu Thái úy, phong Giao Chỉ quận vương.

Ngày Giáp Ngọ, Lý Thần Tông tôn thân phụ là Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng và thân mẫu Đỗ thị làm Hoàng thái hậu, ở tại cung Động Nhân. Lê Văn Hưu nói: *Thần Tông là con người tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, cho nối đại thống, đáng lẽ phải coi Nhân Tông làm cha mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu làm hoàng thúc, phong mẹ đẻ là Đỗ thị làm Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy Vương và phu nhân Trương thị, để tỏ ra một gốc mới phải. nay lại phong Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ thị làm hoàng thái hậu, chả hoá ra hai gốc ư? Bởi Thần Tông bấy giờ còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô lại không biết lẽ nên mới như thế*

Năm Mậu Thân (1128), vua Thần Tông lập Lệ Thiên Hoàng hậu Lý Thị, Minh Bảo phu nhân Lê Thị. Về sau vua có thêm các bà phu nhân, phi khác: Cảm Thánh phu nhân Lê Thị (mẹ vua Anh Tông), Nhật Phụng phu nhân Lê Thị, Phụng Thánh phu nhân Lê Thị, Chương Anh thứ phi Lý Thị.

Lý Thần Tông không lập nhiều Hoàng hậu như các vua đời trước. Nhưng việc không dứt khoát, thành gây ra cái nạn tranh dành ngôi báu từ thời vua còn sống.

Theo lệ, con dòng đích do Hoàng hậu sinh ra được nối ngôi. *Nhưng tháng 5 năm Nhâm Tý (1132), con của người thiếp là trưởng tử Thiên Lộc sinh ra. Vua Thần Tông lập Thiên Lộc làm con thừa tự nối ngôi. Nhưng đến năm Bính Thìn (1136), Cảm Thánh phu nhân sinh ra hoàng tử Thiên Tộ. Các phu nhân Cảm Thánh, Phụng Thánh và Nhật Phụng đã dùng tiền hối lộ hoạn quan Từ Văn Thông mà cho vào gặp Thần Tông, xui vua bỏ thái tử Thiên Lộc. Thần Tông nghe theo, bèn lập con nhỏ là Thiên Tộ làm Hoàng thái tử, giáng Thiên Lộc xuống làm Minh Đạo vương.*

Sách Quế Hải chí đời Tống cho biết: "Vua Anh Tông có người anh bị phế, đảng của người ấy chạy sang tố cáo với nhà Tống, nhà Tống lại bắt tội người ấy, ý tất là Thiên Lộc". Vậy là Thiên Lộc đã cầu cứu cả nhà Tống để đòi lại ngôi báu cho mình, nhưng việc không thành.

Công chúa Từ Hoa con gái vua Lý Thần Tông nổi danh là bà chúa nghề Tằm Tang. Công chúa đã cùng cung nữ chọn đất Nghi Tằm làm nơi mở trại, dạy nhân dân trong vùng trồng dâu, nuôi tằm. Chùa Kim Liên vừa thờ Phật, vừa thờ công chúa Từ Hoa .

Năm 1138, Lý Thần Tông qua đời khi mới 23 tuổi, trị vì được 10 năm.

Lý Anh Tông (1138 - 1175)

Hoàng thái tử Thiên Tộ lên ngôi, tức vua Lý Anh Tông, lúc 3 tuổi. Triều đình muốn tôn hoàng tử Lý Dương Côn (khoảng 22 tuổi) lên ngôi. Nhưng mẹ của thái tử Thiên Tộ là Cảm Thánh Hoàng hậu (họ Lê) đã đúc lốt vàng bạc cho các quan, rồi liên kết với tình nhân là Đỗ Anh Vũ để đưa hoàng tử Thiên tộ lên ngôi tức là vua Anh Tông. Vua còn thơ ấu, quyền lực nằm trong tay Cảm Thánh Hoàng thái hậu. Bà trọng dụng người tình Đỗ Anh Vũ là em ruột của Đỗ thái hậu và là cháu gọi Lý Thường Kiệt bằng cậu và là con nuôi của Thái sư Trương Bá Ngọc, cho làm nhiếp chính .

Đại Việt Sử Kí Toàn Thư, ghi lại rằng: Năm 1138, vua Lý Thần Tông băng, thái tử Thiên Tộ lên ngôi, tức là vua Lý Anh Tông, lúc ấy mới có 3 tuổi. Đến năm Canh ngọ 1150, sử chép: ‘Khi trước vua còn trẻ thơ, chính sự không cứ việc lớn việc nhỏ đều ủy cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ Thái hậu, do đó mà Anh Vũ tư thông với Lê Thái hậu (lúc đó có 2 bà thái hậu), nhân thế lại càng kiêu...’

Để củng cố quyền lực bà phải thanh toán mọi nguy cơ có thể xảy tới cho con bà. Vì thế bà cùng Đỗ Anh Vũ thẳng tay sát hại các em nuôi của vua Thần tông và con của các em vua Nhân Tông cùng toàn thể gia quyến của các vị này. Việc đó khiến nhiều đại thần, gồm Điện tiền Chi huy sứ Vũ Đái, Phò mã Dương Tự Minh cùng một số thân vương nhà Lý bất bình và làm binh biến bắt Anh Vũ, nhưng không quyết đoán giết ông. Dương Tự Minh là thủ lãnh Phú Lương châu (Thái Nguyên) cưới hai công chúa là Diên Bình (1127) và Thiệu Dung (1142).

Anh Vũ được mấy lần xá tội, lại làm Thái Úy phụ chính như cũ, và tìm cách trả thù. Anh Tông còn nhỏ, chuẩn tâu theo Anh Vũ, do đó những người tham gia binh biến đều bị giết hoặc đi đày. Năm 1158, Đỗ Anh Vũ qua đời. Tô Hiến Thành , có họ hàng là Tô thị vợ của Anh Vũ, được thăng làm Thái Úy. Hiến Thành giỏi việc dụng binh, lại là người chính trực, có tài dụng binh, nhiều lần bình định Chiêm Thành, Ai Lao.

Lý Dương Côn được phong tước Kiến hải vương làm Đại đô đốc hải quân đang đóng quân ở Đồ Sơn, thấy tình thế nguy biến, lo sợ việc tranh giành ngôi báu nên khoảng cuối năm 1127 đã cùng gia quyến đã lên thuyền sang Cao Ly tỵ nạn. Ông không sang Trung Hoa là vì nhà Lý đã nhiều lần đánh bại nhà Tống, còn tiến sang đất Tống phá hủy Khâm Châu, Liêm Châu, làm căng thẳng tình trạng đối đầu giữa hai quốc gia láng giềng. Ông sang Cao Ly là hợp lí trong hoàn cảnh thời bấy giờ. Gia phả của dòng họ mang tên *Tinh Thiện Lý thị tộc phổ* được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia ở Seoul cho biết, Lý Dương Côn tự Nguyên Minh, là Hoàng tử thứ ba con vua Lý tên là Càn Đức được nhà Tống phong là Nam Bình Vương.

Năm Mậu Ngọ (1138) Lý Anh Tông lập Hoàng hậu là Chiêu Linh Hoàng hậu Vũ Thị, chế độ đa hậu bị xóa bỏ, được thay là chế độ nhất hậu. Sau này, vua có thêm Thần phi Bùi Chiêu Dương, Quý phi Hoàng Ngân Hoa, Đức phi Đỗ Kim Hằng, Thục phi Đỗ Thục Châu (mẹ vua Cao Tông), Hiền phi Lê Mỹ Nga (mẹ Lý Long Tường) , Nguyên phi Từ Thị.

Vua Lý Anh Tông sinh 7 hoàng tử: Long Xưởng, được phong thái tử, Long Minh, Long Đức, Long Hòa, Long Ích, Long Trát và Long Tường. Năm 1174, thái tử Lý Long Xưởng gian dâm với cung phi, nên bị phế làm Bảo Quốc vương. Vua Anh Tông phong con của một cung phi là cháu gái Đỗ Anh Vũ, Lý Long Cán làm Hoàng thái tử. Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, tước Vương, được giao phụ chính giúp vua kế vị.

Công chúa Đoan Nghi là con của vua Lý Anh Tông với bà thần phi Bùi Chiêu Dương, được nhà vua gả cho Trần Thủ Huy là cha Trần Thủ Độ theo gia phả của con cháu Trần Ích Tắc tại Trung Quốc. Như vậy Trần Thủ Độ là cháu ngoại của vua Lý Anh Tông.

Lý Cao Tông (1176 - 1210)

Lý Cao Tông lên ngôi khi mới 3 tuổi, mẹ là Đỗ phu nhân trở thành Chiêu Thiên Chí Lý Hoàng thái hậu, Đỗ An Di em trai bà trở thành ngoại thích, Tô Hiến Thành làm phụ chính.

Chiêu Linh hoàng thái hậu, mẹ của Long Xưởng muốn giành lại ngôi vua cho con bằng cách hối lộ các đại thần, nhưng không thành vì Tô Hiến Thành không chấp nhận.

Thái úy Tô Hiến Thành mất năm 1179. Đỗ An Di được phong làm phụ chính. Đàm Thị: Con gái tướng quân Đàm Phụng, năm Trinh Phù thứ 11 được sách lập làm Nguyên phi. Sinh con trai là Sảm, nguyên phi được sách lập làm An toàn hoàng hậu.

Năm 1188, Đỗ An Di qua đời, Ngô Lý Tín được trao quyền phụ chính và mất năm 1190. Đàm Dĩ Mông là em trai của An Toàn hoàng hậu được phong làm phụ chính. Năm 1185 Kiến Ninh Vương là Long Ích xuất quân lính hơn 12000 người đi đánh bọn Sơn Lão ở Linh Sách.

Vua Lý Cao Tông lên trên ngôi hơn 30 năm nhưng không quan tâm đến chính sự, bỏ bê thiết triều, chỉ ham vui chơi săn bắn, lại thích xây dựng cung điện to đẹp, xa hoa làm cho nhân dân khổ nhọc, lầm than, loạn lạc khắp nơi trong nước.

Sử có chép về một vị công chúa thời loạn lạc lúc này là Thiên Cực công chúa và không rõ bà là con của vị vua Lý nào? Sách Đại Việt sử lược cho biết bà là vợ của Quan nội hầu Vương Thượng, Lang đất Lạng Châu (Lạng Sơn và Bắc Giang).

Bà công chúa này đã tư thông với Phạm Du được Cao Tông sai đi liên kết với Đoàn Thượng để đánh Quách Bốc và họ Trần nên lỡ hẹn với họ Đoàn và phải chết. Sau đó bà lại tư thông với quan Điện Tiền Tô Trung Từ ở Gia Lâm, năm tân mùi (1211), Vương phò mã bắt quả tang cuộc thông dâm và đã giết Tô Trung Từ, theo luật pháp trong triều đại này.

Năm 1208, lập con là Sảm làm Thái tử. Năm 1209, Quách Bốc làm loạn, vào kinh sư rồi lập con thứ của Cao Tông là Lý Thầm 7 tuổi lên ở ngôi vua được khoảng 5 tháng. Cao Tông chạy loạn lên vùng Quy Hóa (Vĩnh Phú, Yên Bái). Họ Trần giúp vua Cao Tông dẹp được Quách Bốc.

Hoàng tử Sảm cùng mẹ là An Toàn hoàng hậu chạy về Hải Ấp, Hạo Sảm lấy con gái của Trần Lý là Trần Thị Dung và phong tước cho những người trong họ Trần. Từ đây họ Trần tham chính và nắm giữ tất cả quyền hành.

Tháng 10 năm Canh Ngọ (1210) Lý Cao Tông mất lúc 38 tuổi.

Lý Huệ Tông (1211 - 1224)

Thái tử Hạo Sảm là hoàng tử thứ ba lên ngôi lúc 16 tuổi tức Lý Huệ Tông.

Huệ Tông dùng cậu là Đàm Dĩ Mông làm Thái úy phụ chính, Đàm thái hậu cũng tham chính. Họ Đàm muốn nhân quyền ngoại thích mà lộng hành, chính sự ngày càng suy. Sách Đại Việt sử lược có ghi *Một đêm bà Thái hậu sai bắt Nhân Quốc vương và hai Vương tử là người con trai thứ sáu, người con trai thứ bảy, cả ba đều bị đem chìm xuống cái giếng trong khu nhà của vua, để vùi lấp cái manh mối của việc cải lập. Xong rồi sai không những cái thây ấy để ở ngoài cửa cung Lâm Quang*". Ba người em cùng cha khác mẹ của vua Huệ Tông bị Đàm Thái hậu sát hại thảm khốc mà nhà vua không làm gì được

Vua Huệ Tông không có con trai, các anh em của nhà vua bị giết, quan lại thì không ra gì, nhà Lý thật sự đã tàn! Bấy giờ thiên hạ đại loạn, các thế lực nổi dậy đánh lẫn nhau, danh nghĩa là phò nhà Lý dẹp giặc. Trong đó họ Trần, họ Tô ở Lưu Gia (Thái Bình), Đoàn Thượng ở Hồng Châu (Hưng Yên), Nguyễn Nộn ở Tiên Du (Bắc Ninh). Các vương hầu như An Nhân vương, Nghĩa Tín vương, Ô Kim hầu, tướng Lý Quang Bật đã đem quân giúp đỡ Đàm Thái hậu đánh họ Trần. Các vương hầu này đều thuộc họ Lý họ còn giữ được truyền thống quân sự có từ đầu nhà Lý.

Trần Tự Khánh có công dẹp loạn Quách Bốc, được giữ chức vụ quan trọng trong triều chính có thế lực càng ngày càng mạnh. Lý Huệ Tông thua trận đánh họ Trần phải chạy lên Trĩ Sơn thuộc Lạng Châu (nay là Lạng Sơn). Tự Khánh không thuyết phục được Lý Huệ Tông trở về kinh, bèn sai người đi đón con của vua Anh Tông là Huệ Văn Vương ở Hạc Kiều lập làm vua. Sách Đại Việt sử lược viết tháng 3 năm Giáp Tuất (tháng 4 năm 1214), Huệ Văn vương lên ngôi ở điện Đại An, đổi niên hiệu mới là Càn Ninh, xưng là Nguyên Vương. Mọi việc trong triều do Trần Tự Khánh quyết định.

Trần Tự Khánh sai Vương Lê đi đón Lý Huệ Tông, rồi phế vua Nguyên Vương xuống làm Huệ Văn vương như cũ. Nguyên Vương ở ngôi được 2 năm (1214-1216), mất năm Tân Tị (1221).

Năm 1216, Huệ Tông phong Trần thị làm Thuận Trinh phu nhân. Cuối năm đó, mùa đông, phong làm Hoàng hậu. Huệ Tông phong chức cho một loạt người họ Trần: Tự Khánh làm Thái úy phụ chính, anh trai Tự Khánh là Trần Thừa làm Nội thị phán thủ, tước Liệt hầu. Năm 1217, Huệ Tông thường phát điên, tự xưng là Thiên tướng, uống rượu ngũ li bì. Chính sự không quyết đoán, quyền hành dần dần về tay họ Trần.

Năm 1223, Thái úy Trần Tự Khánh qua đời, Huệ Tông lấy Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy. Trần Thủ Độ được phong làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ và cũng từ đây mọi việc trong triều đều do Trần Thủ Độ định đoạt

Chiêu Thánh Hoàng đế (1224 - 1226)

Huệ Tông không có con trai để nối nghiệp, nên công chúa Chiêu Thánh được lập làm Hoàng thái nữ. Con gái trưởng tước phong là Thuận Thiên công chúa là vợ của An sinh vương Trần Liễu. Chỉ huy sứ **Trần Thủ Độ** quản lĩnh các quân điện tiền hộ vệ cấm đình.

Huệ Tông truyền ngôi cho Chiêu Thánh rồi làm Thái Thượng hoàng, rồi đi tu ở chùa Chân Giáo gọi là Huệ Quang thiền sư. Đàm thái hậu cũng theo ông vào đây xuất gia. Trần Cảnh con trai thứ của Trần Thừa được phong làm Chính thủ cho hậu hạ Chiêu Hoàng. Dưới sự sắp đặt của Trần Thủ Độ, Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh làm chồng rồi nhường ngôi cho chồng năm 1226.

Thượng hoàng Huệ Tông bị Trần Thủ Độ bức tử sát ở chùa Chân Giáo. Vương triều nhà Lý chuyển sang nhà Trần sau 216 năm với 8 đời vua và Lý Chiêu Hoàng không ở ngôi lâu. Ba vị vua Lý đầu tiên là người lớn tuổi có đủ khả năng cai trị, nhưng từ đời Nhân Tông trở về sau, liên tục xuất hiện vua còn nhỏ được hoàng thái hậu nhiếp chính.

Hoàng thái hậu vẫn có quyền lực chính trị sau khi vua đã lớn như Linh Nhân Thái hậu (Ỗ Lan Phu nhân) thời Nhân Tông, Cảm Thánh Thái hậu thời Anh Tông, và Đàm Thái hậu thời Huệ Tông. Có lẽ nhằm mục đích bảo vệ mình và con, các bà hoàng thái hậu hay liên kết với người đứng đầu cấm quân, như Linh Nhân Thái hậu với Lý Thường Kiệt và Cảm Thánh Thái hậu với Đỗ Anh Vũ.. Kết quả là hình thức kế thừa trực hệ của ngôi báu được duy trì lâu dài và tránh được can thiệp của nhà Tống.

Tham khảo

[1]-Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử lược, Việt sử thông giám cương mục,

[2]-Nguyễn Hoạt, Chim Việt cành nam-Lý thái tổ -Huyền thoại, 2020

[3]- Lê Mạnh Thát, Thiên Uyển tạp anh